

nǐ	nǐ	nǐ	nǐ	nǐ	nǐ	nǐ	nǐ	nǐ	nǐ
你	你 你 你 你	你	你	你	你	你	你	你	你
jiào	jiào	jiào	jiào	jiào	jiào	jiào	jiào	jiào	jiào
叫	叫 叫 叫	叫	叫	叫	叫	叫	叫	叫	叫
shén	shén			shén	shén	shén	shén	shén	shén
什	什 什 什	什	什	什	什	什	什	什	什
me	me			me	me	me	me	me	me
么	么 么 么	么	么	么	么	么	么	么	么
míng	míng	míng	míng	míng	míng	míng	míng	míng	míng
名	名 名 名	名	名	名	名	名	名	名	名

zì									
字	字	字	字	字	字	字	字	字	字
wǒ									
我	我	我	我	我	我	我	我	我	我
bǎo									
宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝	宝
héng									
横	横	横	横	横	横	横	横	横	横
zhē									
折	折	折	折	折	折	折	折	折	折

jiè	jiè				jiè	jiè	jiè	jiè	jiè
介	ノ	人	介	介	介	介	介	介	介
shào	shào		shào						
绍	纟	纟	绍	绍	绍	绍	绍	绍	绍
	绍	绍							
zì	zì		zì						
自	白	白	自	自	自	自	自	自	自
	自	自							
jǐ	jǐ		jǐ						
己	丿	己	己	己	己	己	己	己	己
xiǎo	xiǎo		xiǎo						
小	丿	小	小	小	小	小	小	小	小

Name 1

Name 2

YOUER HANYU 01\_07 (C)

tù	tù			tù	tù	tù	tù	tù	tù
兔	兔	兔	兔	兔	兔	兔	兔	兔	兔
guāi	guāi			乖	乖	乖	乖	乖	乖
乖	乖	乖	乖	乖	乖	乖	乖	乖	乖

Name 1

Name 2

YOUER HANYU 01\_07 (F)

nǐ	jiào	shén	me	míng	zì	?				
你	叫	什	么	名	字	?				
wǒ	jiào	bǎo	bǎo							
我	叫	宝	宝							
héng	zhē									
横	折									
jiè	shào	zì	jǐ							
介	绍	自	己							

Name 1

Name 2

YOUER HANYU 01\_07 (F)

xiǎo	tù	guāi	guāi							
小	兔	乖	乖							
nǐ										
你										
jiào										
叫										
shén	me									
什	么									
míng	zì									
名	字									



你 你 你 你 你 你 你 你 你 你 你 你

叫 叫 叫 叫 叫 叫 叫 叫 叫 叫 叫 叫

什 什 什 什 什 什 什 什 什 什 什 什

么 么 么 么 么 么 么 么 么 么 么 么

名 名 名 名 名 名 名 名 名 名 名 名

字 字 字 字 字 字 字 字 字 字 字 字

我 我 我 我 我 我 我 我 我 我 我 我

宝 宝 宝 宝 宝 宝 宝 宝 宝 宝 宝 宝

横 横 横 横 横 横 横 横 横 横 横 横

折 折 折 折 折 折 折 折 折 折 折 折

介 介 介 介 介 介 介 介 介 介 介 介

绍 绍 绍 绍 绍 绍 绍 绍 绍 绍 绍 绍

自 自 自 自 自 自 自 自 自 自 自 自

己 己 己 己 己 己 己 己 己 己 己 己

小 小 小 小 小 小 小 小 小 小 小 小

兔 兔 兔 兔 兔 兔 兔 兔 兔 兔 兔 兔

乖 乖 乖 乖 乖 乖 乖 乖 乖 乖 乖 乖

# 01\_07. 我叫宝宝

7 wǒ jiào bǎo bǎo  
我 叫 宝 宝



xiě yi xiě  
写 一 写



héng zhé  
横 折

贝	贝	贝	贝	贝	贝	贝
贝	贝	贝	贝	贝	贝	贝
贝	贝	贝	贝	贝	贝	贝
贝	贝	贝	贝	贝	贝	贝

# 01\_07. 我叫宝宝

xiǎo      tù      guāi      guāi  
小      兔      乖      乖

1 = C 4/4

稍慢

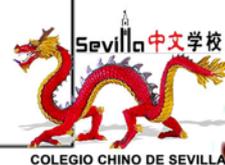
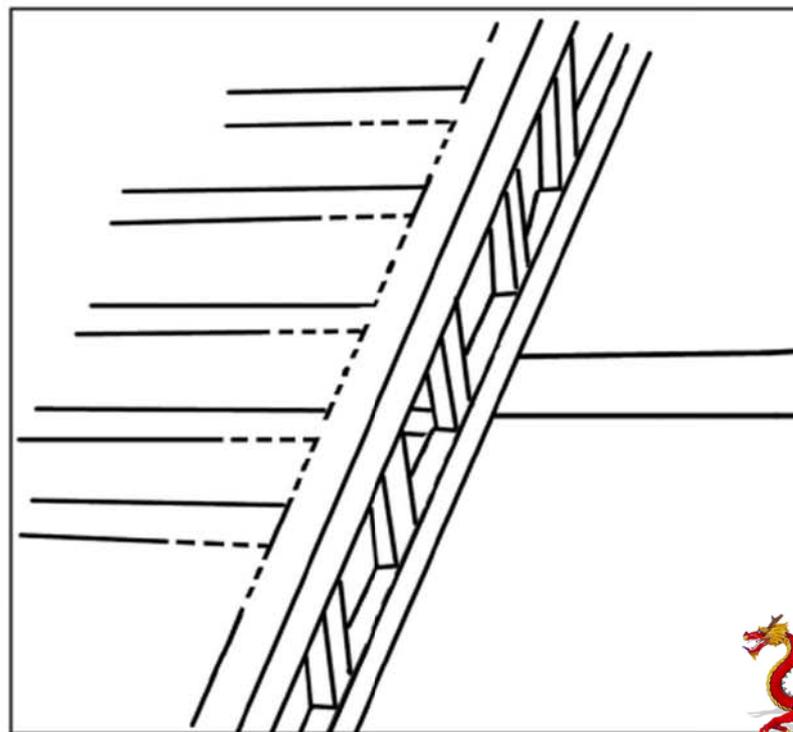
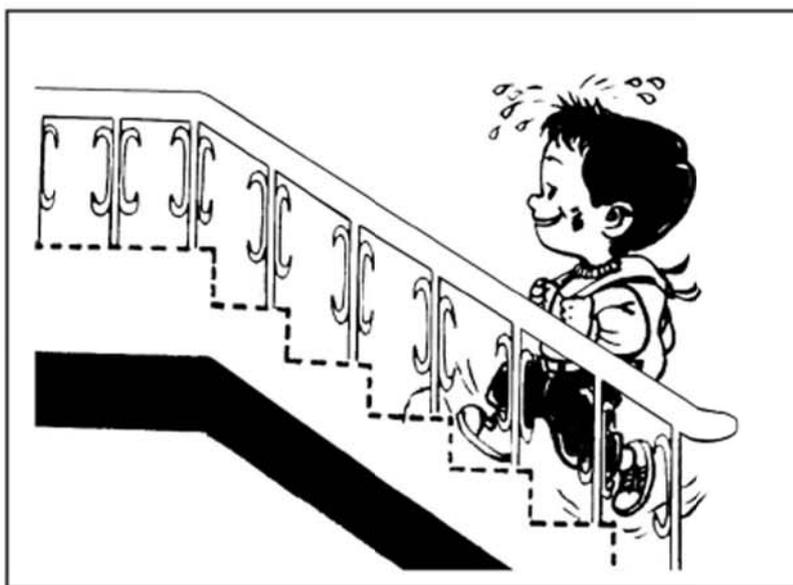
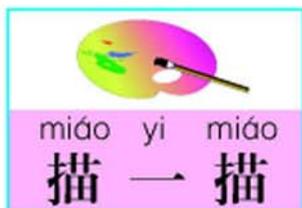
3 5    1̇ 6    5 5    |    3 5    6 1̇    5 5    |  
小    兔 儿    乖 乖,    把    门 儿    开 开,  
6    5 3    2 2    |    3    5 3    2 3    1 |  
快    点 儿    开 开,    我    要    进    来。  
6    5            6 5    |    3            6 5    — |  
不    开            不 开,    我    不    开,  
5 5    3 2    1 —    |    1 1    2 3    1 — ||  
妈 妈    没 回 来,            谁 来 也 不 开。



01\_07. Wǒ jiào bǎo bǎo

# 01\_07. 我叫宝宝

7 wǒ jiào bǎo bǎo  
我叫宝宝



01\_07. Wǒ jiào bǎo bǎo

你叫什么名字?

我叫宝宝

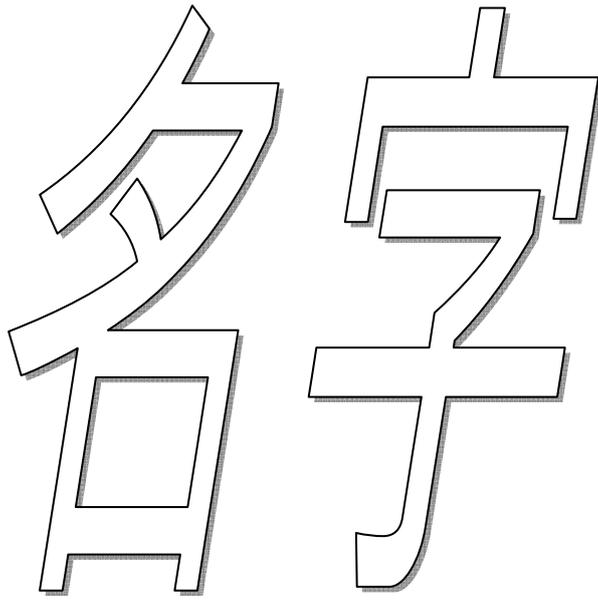
介绍自己

小兔乖乖

你

叫

什么



Lì dá

丽 达

Lì lì

丽 丽

Jìng zǐ

静 子

Tāng mǔ

汤 姆

Xiǎo shǒu de huà

小 手 的 话

Jiè shào zì jǐ

介 绍 自 己

Xiǎo tù quāi quāi

小 兔 乖 乖

Nǐ

你

jiào

叫

Shén me

什 么

Míng zì

名 字

wǒ

我

LEE Y EMPAREJA 01\_07

爸爸



Mā mā

老师



Dū dū

丽达



Bèi bèi

汤姆



Lì dá

婷婷



Bà ba

妈妈



Lǎo shī

静子



Jìng zi

贝贝



Lì lì

宝宝



Bǎo bǎo

丽丽



Tāng mǔ

嘟嘟

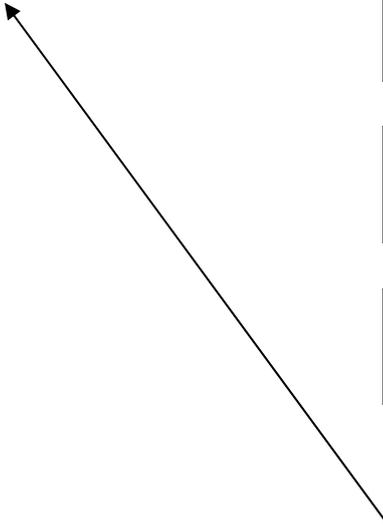
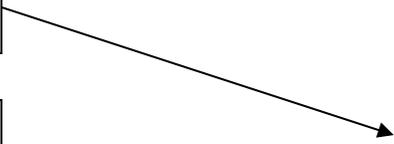


yī s hēng

医生



Tíng tíng



LEE Y EMPAREJA 01\_07

再见

没关系

老师

静子

介绍自己

小兔乖乖

你好

小白兔

汤姆

对不起

咏鹅

丽达

找朋友

小手的话

Xiǎo bái tù

Jiè shào zì jǐ

Lì dá

zàijiàn

nǐ hǎo

Jìngzi

méi guān xi

Xiǎo tù guāi  
guāi

zhǎo péngyǒu

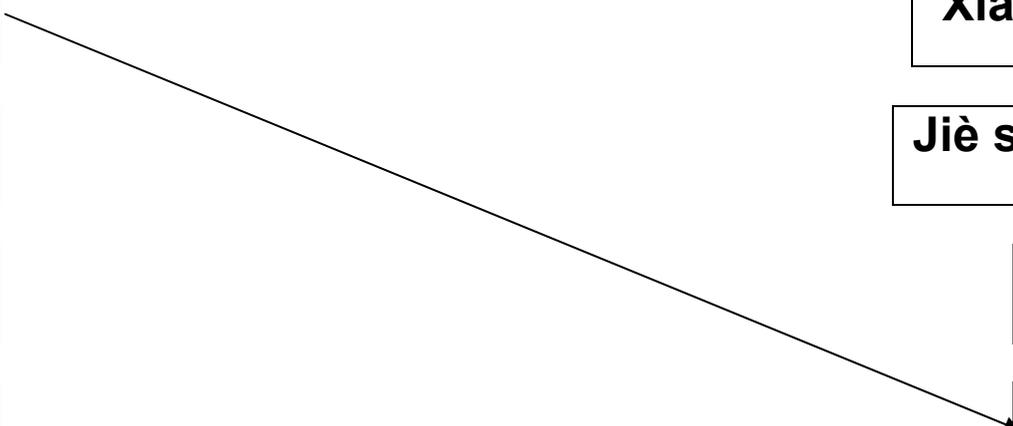
xiǎo shǒu de huà

Tāngmǔ

duì bù qǐ

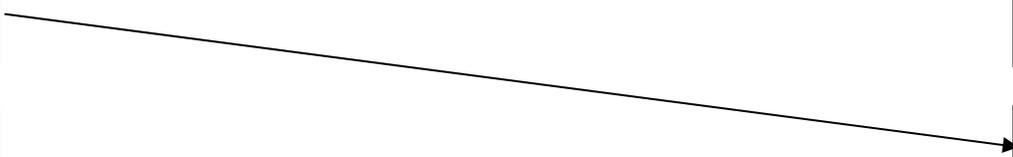
yǒng é

Lǎo shī

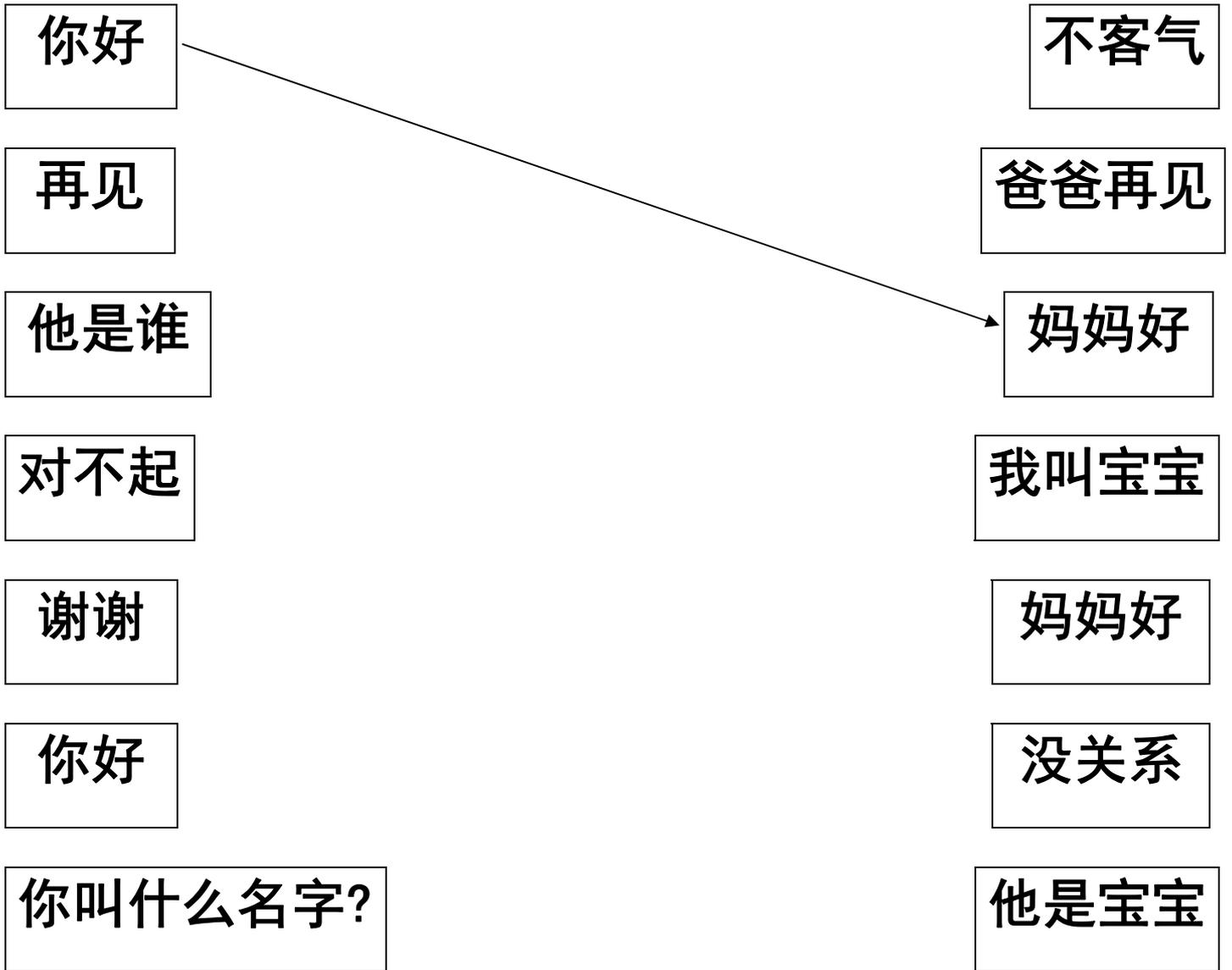


LEE Y EMPAREJA 01\_07

再见	Jìngzi
对不起	adiós
找朋友	las pequeñas manos
老师	no importa
汤姆	canto de ganso
咏鹅	Tom
静子	Lida
介绍自己	lo siento
丽达	Preséntate
没关系	Encontrar amigos
你好	hola
小手的话	conejito blanco
小兔乖乖	profesor-a
小白兔	conejito bueno



LEE Y EMPAREJA 01\_07



COMPLETA 01\_07

你 \_\_\_ 什么名字?

\_\_\_ 叫宝宝